

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu: mua hóa chất thực hiện trên máy sở hữu toàn dân năm 2025, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ và tên: Nguyễn Xuân Tiến
 - Số điện thoại liên hệ: 0974.366.960
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Báo giá gửi về địa chỉ: Bộ phận văn thư, Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Thanh Hóa, Ngõ 958 đường Quang Trung, Phường Đông vệ, TP. Thanh Hoá
 - Ghi rõ nội dung: Mua hóa chất thực hiện trên máy sở hữu toàn dân năm 2025.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: 03/03/2025 đến trước 15h00 ngày 14/03/2025.
 - Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày phát hành báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá.

- Danh mục hàng hoá, dịch vụ: (Phụ lục kèm theo)
- Địa điểm cung cấp hàng hoá, dịch vụ: Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá.
- Thời gian giao hàng dự kiến: 2025
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: căn cứ theo hợp đồng ký kết.
- Yêu cầu khác: Giá trong báo giá đã bao gồm thuế VAT và các chi phí liên quan khác.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT; TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG MUA SẮM

CHỦ TỊCH



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Hưng



PHỤ LỤC:

(Kèm theo yêu cầu báo giá số 243 /BVUB-HĐMS ngày 28 tháng 02 năm 2025 của HĐMS Bệnh viện Ung Bướu)
DANH MỤC BỔ SUNG VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT ĐỀ XUẤT MUA SẴM, ĐẦU THẦU TẠI BỆNH VIỆN

ST T	Thông tin mặt hàng Vật tư, hóa chất xét nghiệm dự kiến				
	Tên hàng hóa bổ sung	Đặc tính thông số kỹ thuật đề xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến sử dụng 12 Tháng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
I. HÓA CHẤT DÙNG CHO HT MÁY SINH HÓA, MD CHEMRAY 800. HÃNG SẢN XUẤT: RAYTO					
1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase AST/GOT	Hóa chất để định lượng nồng độ AST trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - Tris: 100mmol/L - NADH: 0.26mmol/L - EDTA: 3.5mmol/L) - Lactic dehydrogenase: 3.0KU/L R2: - Tris: 100mmol/L - L-aspartic acid: 240mmol/L - α -oxoglutarate: 12mmol/L) - MDH: 1.0KU/L	ml	3.375,0	



2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase ALT/GPT	Hóa chất để định lượng nồng độ ALT trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - NADH: 0.24mmol/L - LDH: 3.0KU/L - EDTA: 5.5mmol/L R2: - Tris: 100mmol/L - L-alanine: 500mmol/L - α-oxoglutarate: 15mmol/L	ml	3.375,0	
3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Hóa chất để định lượng nồng độ Bilirubin toàn phần có trong huyết thanh Thành phần: Gồm R1, R2 và Calibrator- R1: Tartaric acid buffer và Surfactant 1 (Chất diện hoạt 1)- R2: Phosphate buffer, Sodium metavanadate và Surfactant 2 (Chất diện hoạt 2)- Calibrator: Bilirubin và chất bảo quản	ml	1.000,0	
4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Hóa chất để định lượng nồng độ Bilirubin trực tiếp có trong huyết thanh Thành phần: Gồm R1, R2 và Calibrator - R1: Citric acid buffer và Surfactant 1 (Chất diện hoạt 1) - R2: Phosphate buffer, Sodium metavanadate và Surfactant 2 (Chất diện hoạt 2) - Calibrator: Direct bilirubin và chất bảo quản	ml	1.000,0	

5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin	Hóa chất để định lượng nồng độ Albumin trong huyết tương, huyết thanh Thành phần: - Bromocresol green: 0.27mmol/L - Succinic acid: 50mmol/L - Borax: 50mmol/L	ml	1.200,0	
6	Hóa chất để định lượng nồng độ LDL cholesterol	Hóa chất để định lượng nồng độ LDL cholesterol trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - MOPSO: 48mmol/L - CHE: 2200U/L - Peroxidase: 2200U/L - Surfactant 1 (Chất diện hoạt 1): 1.07ml/L - 4-aminophenazone: 2.8mmol/L - CHO: 1733U/L R2: - Surfactant 2 (chất diện hoạt 2): 0.034% - Chromogen: 4mmol/L - MOPSO: 2mmol/L Khoảng tuyến tính: 0.13mmol/L~11.6mmol/L (5mg/dL~450mg/dL) (37°C)	ml	600,0	

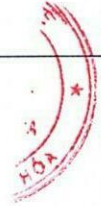
7	Hóa chất để định lượng nồng độ HDL cholesterol	Hóa chất để định lượng nồng độ HDL cholesterol trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - 4-amino-antipyrine: 2.2mmol/L)- High-molecular compound: 0.026%- MES: 1.8 mmol/L R2: - Cholesterol esterase: 5200U/L- Cholesterol oxidase: 6600U/L- Peroxidase: 6600U/L- Surfactant (chất diện hoạt): 3.2ml/L)- Chromogen: 1.44mmol/L	ml	600,0	
8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Hóa chất để định lượng nồng độ triglycerid trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - Tris: 100mmol/L - ATP: 0.15mmol/L - DHBS: 1.2mmol/L) - Glycerol-3-phosphate oxidase: 3.8KU/L - Glycerol kinase: 1.0KU/L - Peroxidase: 0.6KU/L R2: - Tris: 100mmol/L - Lipoprotein lipase: 4.2KU/L - 4-aminophenazone: 0.5mmol/L	ml	750,0	

9	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Hóa chất để định lượng nồng độ cholesterol toàn phần trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: Gồm R1 và R2: R1:- MOPSO: 50mmol/L- 4-aminophenazone:0.4mmol/L- p-Hydroxybenzoic acid: 13.5mmol/L- POD: 0.4KU/L R2:- MOPSO: 50mmol/L- CHO: 0.3KU/L- CHE: 1.0KU/L	ml	675,0	
10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	Hóa chất để định lượng nồng độ Acid Uric trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - Potassium dihydrogen phosphate: 100mmol/L - Dipotassium hydrogen phosphate: 100mmol/L - Potassium ferrocyanide: 40μmol/L - Peroxidase: 0.5KU/L - 4-aminophenazone: 0.5mmol/L R2: - Potassium dihydrogen phosphate: 100mmol/L - Dipotassium hydrogen phosphate: 100mmol/L - DHBS: 2.5mmol/L - Uricase: 0.5KU/L	ml	1.250,0	

11	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea	Hóa chất để định lượng nồng độ urea trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - Tris: 100mmol/L - ADP: 2.0mmol/L - α-oxoglutarate: 7.0mmol/L - NADH: 0.3mmol/L - GLDH: 0.5KU/L R2: - Tris: 100mmol/L - Urease: 5.5KU/L	ml	1.250,0	
12	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	Hóa chất để định lượng nồng độ creatinin trong huyết thanh Thành phần: Gồm R1, R2 và Calibrator- R1: Creatinase (dehydrogenase), Peroxidase, Sarcosine oxidase, Ascorbate oxidase and TOPS- R2: Creatininase và 4-AAP- Calibrator: Creatinine và chất bảo quản	ml	3.417,0	

13	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần	Hóa chất để định lượng nồng độ Protein Total trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: - Copper sulfate: 12mmol/L - Sodium hydroxide: 280mmol/L - Potassium sodium tartrate: 64mmol/L - Potassium iodide: 30mmol/L	ml	1.200,0	
14	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Hóa chất để định lượng nồng độ glucose trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu Thành phần: Gồm R1 và R2 R1: - Disodium hydrogen phosphate: 60mmol/L - Sodium dihydrogen phosphate: 40mmol/L) - p-Hydroxybenzoic acid: 11.0mmol/L R2: - 4-aminophenazone: 0.5mmol/L) - Glucose oxidase: 35KU/L - Peroxidase: 0.4KU/L	ml	3.375,0	

15	Hóa chất để định lượng nồng độ γ -GT trong huyết tương và huyết thanh (GGT)	Hóa chất để định lượng nồng độ γ-GT trong huyết tương và huyết thanh Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - Tris: 100mmol/L - Sodium chloride: 4.5mmol/L R2: - Glycylglycine: 150mmol/L - L-γ-glutamoyl-3-carboxyl-4-nitroaniline: 4.0mmol/L	ml	750,0	
16	Hóa chất để định lượng nồng độ huyết sắc tố glycated (HbA1c)	Hóa chất để định lượng nồng độ huyết sắc tố glycated (HbA1c) trong máu toàn phần Thành phần: Gồm R1, R2, Chất ly giải (Hemolysates), Calibrator- R1: Glycine buffer và latex- R2: Kháng thể kháng chuột (cừu), Kháng thể đơn dòng kháng HbA1c của người (chuột) và glycine buffer- Chất ly giải (Hemolysates): 0.1% NaN₃- Calibrator: Glycated hemoglobin và chất bảo quản Khoảng tuyến tính: 2%~14% (37°C)	ml	180,0	

17	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calcium	Huyết thanh, huyết tương và nước tiểu Thành phần: - Arsenazo III: 167 μ mol/L) - Sodium dihydrogen phosphate: 100 μ mol/L - Disodium hydrogen phosphate: 100mmol/L - Trit X-100: 0.1% Khoảng tuyến tính: 0.05mmol/L~5.0mmol/L (37°C)	ml	2.400,0	
18	Dung dịch rửa cho máy sinh hóa Cleanser RCC-1	Nước rửa sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa Rayto Thành phần chính: Chất hoạt động bề mặt	ml	65.000,0	
19	Cuvet cho máy sinh hóa Rayto Chemray 800	Chiều dài quang học 5mm	Cái	1.000,0	
20	Human Assayed Multi-Sera Control level 2, Randox (Lọ)	Dạng đông khô tăng độ ổn định, được sản xuất dựa trên huyết thanh người, có tối thiểu 66 thông số xét nghiệm. Độ thẩm thấu là 300mOsm/kg. Ổn định đến hạn sử dụng khi bảo quản ở 2°C - 8°C. Sau khi hoàn nguyên mẫu ổn định trong vòng 7 ngày ở 2°C - 8°C hoặc 28 ngày ở - 20°C	ml	200,0	

21	Human Assayed Multi-Sera Control level 3, Randox (Lọ)	Dạng đông khô tăng độ ổn định, được sản xuất dựa trên huyết thanh người, có tối thiểu 66 thông số xét nghiệm. Độ thẩm thấu là 370mOsm/kg. Ổn định đến hạn sử dụng khi bảo quản ở 2°C - 8°C. Sau khi hoàn nguyên mẫu ổn định trong vòng 7 ngày ở 2°C - 8°C hoặc 28 ngày ở - 20°C	ml	200,0	
22	Calibration Serum Level 2, Randox (Lọ)	Dạng đông khô tăng độ ổn định, được sản xuất dựa trên huyết thanh người, có tối thiểu 38 thông số xét nghiệm. Ổn định đến hạn sử dụng khi bảo quản ở 2°C - 8°C. Sau khi hoàn nguyên mẫu ổn định trong vòng 7 ngày ở 2°C - 8°C hoặc 28 ngày ở - 20°C	ml	200,0	
23	Calibration Serum Level 3, Randox (Lọ)	Dạng đông khô tăng độ ổn định, được sản xuất dựa trên huyết thanh người, có tối thiểu 38 thông số xét nghiệm. Ổn định đến hạn sử dụng khi bảo quản ở 2°C - 8°C. Sau khi hoàn nguyên mẫu ổn định trong vòng 7 ngày ở 2°C - 8°C hoặc 28 ngày ở - 20°C	ml	200,0	
24	Lipid Control Lever 2 (LPD Control 2) Randox	Hóa chất kiểm soát dùng cho phản ứng Lipid mức 2	ml	9,0	
25	Lipid Control Lever 3 (LPD Control 3) Randox	Hóa chất kiểm soát dùng cho phản ứng Lipid mức 3	ml	9,0	

26	Direct LDL/HDL Cholesterol Calibrator (D LDL/HDL CAL) Randox	Hóa chất kiểm soát dùng cho phản ứng HDL/LDL mức 2	ml	9,0	
----	---	--	----	-----	--

II. HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY ĐÔNG MÁU RAC-050. HÃNG SẢN XUẤT: RAYTO

1	Dung dịch rửa	- Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Rayto; Model: RAC-050; - Dùng để làm sạch đầu dò dùng cho máy phân tích đông máu tự động. Thành phần: Sodium hypochlorite 1.0%	ml	1.500,0	
2	Hóa chất kiểm soát mức độ cao cho D. Dimer	- Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Rayto; Model: RAC-050; - Các thành phần chính như sau: Thuốc thử 1 (R1) bao gồm đệm PBS và chất hoạt động bề mặt. Thuốc thử 2 (R2) bao gồm đệm PBS, chất hoạt động bề mặt và các hạt latex được phủ với kháng thể D-Dimer kháng người đơn dòng (chuột). Máy hiệu chuẩn (tùy chọn): D-Dimer và chất bảo quản. QC (tùy chọn): D-Dimer và chất bảo quản Thiết bị hiệu chuẩn là từ các mẫu có nguồn gốc từ con người. Nồng độ D-Dimer là trên nhãn hiệu chuẩn.	MI	2,0	



3	Hóa chất kiểm soát mức độ thấp D. Dimer	- Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Rayto; Model: RAC-050; - Các thành phần R1, R2, hiệu chuẩn và QC. Các thành phần chính như sau:Thuốc thử 1 (R1) bao gồm đệm PBS và chất hoạt động bề mặt.Thuốc thử 2 (R2) bao gồm đệm PBS, chất hoạt động bề mặt và các hạt latex được phủ với kháng thể D-Dimer kháng người đơn dòng (chuột).Máy hiệu chuẩn (tùy chọn): D-Dimer và chất bảo quản.QC (tùy chọn): D-Dimer và chất bảo quảnThiết bị hiệu chuẩn là từ các mẫu có nguồn gốc từ con người. Nồng độ D-Dimer là trên nhãn hiệu chuẩn.	MI	2,0	
4	Hóa chất kiểm soát mức độ bất thường cho đông máu cơ bản	- Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Rayto; Model: RAC-050; - Được sử dụng như một kiểm soát chất lượng trong các xét nghiệm đông máu. Sử dụng huyết tương chống đông natri citrate để mô phỏng các mẫu huyết tương lâm sàng thông thường trong quá trình phân tích đông máu và trong quá trình xét nghiệm và phân tích đông máu, thay thế các mẫu huyết tương lâm sàng để xét nghiệm. Kết quả kiểm tra đáp ứng các yêu cầu tương ứng. Thành phần: Sodium citrate anticoagulated plasma	MI	30,0	

5	Hóa chất kiểm soát dạng lỏng mức độ bình thường cho đông máu cơ bản	- Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Rayto; Model: RAC-050; - Được sử dụng như một kiểm soát chất lượng trong các xét nghiệm đông máu. Sử dụng huyết tương chống đông natri citrate để mô phỏng các mẫu huyết tương lâm sàng thông thường trong quá trình phân tích đông máu và trong quá trình xét nghiệm và phân tích đông máu, thay thế các mẫu huyết tương lâm sàng để xét nghiệm. Kết quả kiểm tra đáp ứng các yêu cầu tương ứng Thành phần: Sodium citrate anticoagulated plasma	MI	30,0	
6	Hóa chất Calibrator - D-Dimer	- Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Rayto; Model: RAC-050;	MI	2,0	

Y
H V
BU
HANH
HAN

7	Hóa chất xét nghiệm đông máu APTT	- Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Rayto; Model: RAC-050; - Dùng để xác định trong ống nghiệm Thời gian Thromboplastin từng phần được kích hoạt (APTT) của huyết tương người. Khi huyết tương để xét nghiệm được thêm chất kích hoạt (axit ellagic) và cephalin não, được gọi là thromboplastin từng phần, nó được ủ ở 37°C trong một khoảng thời gian cụ thể để kích hoạt các yếu tố XII và XI của con đường đông máu nội tại, sau đó với sự hiện diện của các ion canxi, fibrinogen cuối cùng được chuyển thành fibrin không hòa tan. Thời gian đông tụ huyết tương sau khi thêm canxi clorua được đo trên thiết bị sử dụng phương pháp đo tán xạ quang học là APTT của huyết tương. Bao gồm Reagent 1 (R1) và Reagent 2 (R2). R1: APTT Reagent: Ellagic acid, rabbit brain cephalin; R2: CaCl₂ Solution: 25mmol/L calcium chloride	MI	200,0	
---	-----------------------------------	--	----	-------	--

8	Hóa chất xét nghiệm đông máu D. Dimer	- Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Rayto; Model: RAC-050; - Thử nghiệm in vitro để xác định định lượng nồng độ D-Dimer trong huyết tương. D-Dimer là sản phẩm đặc trưng của quá trình thoái giáng fibrin liên kết ngang. Nó tăng trong huyết khối tĩnh mạch sâu, thuyên tắc phổi, đông máu nội mạch rải rác, viêm gan nặng, thuyên tắc phổi, v.v. và có thể được coi là chỉ số hiệu quả của liệu pháp tiêu sợi huyết. D-Dimer dương tính hoặc tăng trong quá trình tiêu sợi huyết thứ phát và âm tính hoặc không tăng trong quá trình tiêu sợi huyết nguyên phát. Lưu trữ ở 2-8°C trong bóng tối. Không đóng băng thuốc thử! Thời hạn bảo quản của thuốc thử là 12 tháng. Thuốc thử đã mở ổn định trong 12 ngày và chất hiệu chuẩn và QC đã mở ổn định trong 24 ngày giờ khi bảo quản ở 2°C~8°C. Các thành phần R1, R2, hiệu chuẩn và QC. Các thành phần chính như sau: Thuốc thử 1 (R1) bao gồm đệm PBS và chất hoạt động bề mặt. Thuốc thử 2 (R2) bao gồm đệm PBS, chất hoạt động bề mặt và các hạt latex được phủ với kháng thể D-Dimer kháng người đơn dòng (chuột). Máy hiệu chuẩn (tùy chọn): D-Dimer và chất bảo quản. QC (tùy chọn): D-Dimer và chất bảo quản, Thiết bị hiệu chuẩn là từ các mẫu có nguồn gốc từ con người. Nồng độ D-Dimer là trên nhãn hiệu chuẩn.	MI	72,0	
---	---------------------------------------	--	----	------	--

H
 Ệ
 N
 T
 U
 H
 O
 A
 I
 Y

9	Hóa chất xét nghiệm đông máu Fibrinogen (FIB)	- Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Rayto; Model: RAC-050; - Dùng để xác định in vitro nồng độ Fibrinogen (FIB) trong huyết tương người Dựa trên nguyên tắc của Phương pháp đông máu Clauss, khi có quá nhiều thrombin, thời gian đông máu của huyết tương pha loãng để xét nghiệm cho thấy tỷ lệ nghịch với nồng độ fibrinogen của nó trong log-log. Thời gian đông máu được đo trên thiết bị bằng phương pháp nephelometry quang học và nồng độ fibrinogen thu được từ đường chuẩn. Bao gồm R1, R2, và R3. R1: FIB Reagent: Bovine thrombin, stabilizer; R2: Imidazole Buffer: imidazole; R3: FIB Reference Plasma: Fibrinogen, stabilizer.	MI	222,0	
10	Hóa chất xét nghiệm đông máu Thrombin (TT)	- Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Rayto; Model: RAC-050; - Thích hợp để chẩn đoán in vitro về Thời gian Thrombin (TT) của huyết tương người. Về mặt lâm sàng, chủ yếu là đã sử dụng phản ánh bất thường nồng độ hoặc kết cấu của huyết tương fibrinogen bằng các chức năng của các tiêu sợi huyết hệ thống. Kéo dài TT Có thể là đã xem trong heparin hoặc các sự tồn tại của heparinoid thuốc kháng đông, tăng fibrin (fibrinogen) suy thoái sản phẩm (FDP) và giảm fibrinogen máu (fifibrinogen máu). rút gọn TT Có thể là thấy khi có cục máu đông nhỏ hoặc ion canxi tồn tại trong mẫu máu. Thành phần: Nguồn gốc huyết khối từ bò, chất ổn định và đệm	MI	500,0	

11	Hóa chất xét nghiệm đông máu Prothrombin (PT)	- Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Rayto; Model: RAC-050; - Thích hợp để chẩn đoán in vitro về Thời gian Protrombin (PT) của huyết tương người. Trên lâm sàng, Nó là chủ yếu đã sử dụng vì sàng lọc của bên ngoài sự đông lại hệ thống chức năng khuyết điểm Và vì giám sát miêng thuốc kháng đông liệu pháp. Kéo dài PT Có thể là đã xem TRONG nhân tố II, V, VII Và X thiếu sót Và giảm fibrinogen máu Thành phần: Huyết khối thử, Chất ổn định và đệm 2ml x 10	MI	440,0	
12	Cuvette máy đông máu	- Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Rayto; Model: RAC-050;	Cái	14.000,0	